

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 - CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG.

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp và Điều lệ CTCP Thủy điện Sông Vàng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại kỳ họp ngày 07/05/2021;
- Căn cứ Quyết định số 89/2007/QĐ-BTC ngày 24/10/2007 của Bộ tài chính ban hành quy chế lựa chọn Doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của CTCP Thủy điện Sông Vàng;
- Căn cứ vào báo cáo tài chính số 073/2024/BCKT-PB.00493 ký ngày 18/03/2024 của Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 – Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng thông qua báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2023 của CTCP Thủy điện Sông Vàng.

(Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2023 kèm theo)

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Thái Hưng



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400476650 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09/06/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thái Hưng	Chủ tịch HĐQT
Ông Ưng Văn Phúc	Thành viên HĐQT
Ông Lưu Quang Việt	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Hồ Ngọc Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Mai Lan	Thành viên Ban Kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ưng Văn Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Long	Phó Tổng Giám đốc

3. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Ưng Văn Phúc - Tổng Giám đốc.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

5. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

6. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Ưng Văn Phúc

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2024



Số: 073/2024/BCKT-PB.00493

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 20/03/2023.



Lê Viết Cường

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2478-2023-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Đặng Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2505-2024-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.348.146.868	81.243.738.297
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.986.065.011	7.059.182.967
1. Tiền	111		2.986.065.011	7.059.182.967
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.140.776.975	71.000.804.800
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	16.611.265.797	8.106.565.745
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	45.012.456.415	41.691.186.630
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.3	1.237.234.568	15.318.742.580
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	14.305.172.195	5.909.661.845
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(25.352.000)	(25.352.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.221.304.882	3.183.750.530
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	18.494.066
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.221.304.882	3.165.256.464
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		322.092.352.677	251.880.371.501
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		193.080.950.460	204.183.479.736
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	193.080.950.460	204.183.479.736
- Nguyên giá	222		450.478.451.778	450.106.451.778
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(257.397.501.318)	(245.922.972.042)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		128.802.844.382	46.369.731.972
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	128.802.844.382	46.369.731.972
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		208.557.835	1.327.159.793
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	208.557.835	1.327.159.793
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		407.440.499.545	333.124.109.798

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		216.250.031.623	171.595.220.155
I. Nợ ngắn hạn	310		79.362.724.381	62.940.691.255
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	31.545.724.924	21.544.858.694
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	3.645.762.019	1.822.914.807
3. Phải trả người lao động	314		1.194.917.886	905.046.925
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	294.390.370	411.044.305
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	2.665.472.508	2.128.526.194
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	40.016.456.674	36.128.300.330
II. Nợ dài hạn	330		136.887.307.242	108.654.528.900
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	136.887.307.242	108.654.528.900
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		191.190.467.922	161.528.889.643
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	191.190.467.922	161.528.889.643
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		148.206.625.000	148.206.625.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		148.206.625.000	148.206.625.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.983.842.922	13.322.264.643
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.322.264.643	(21.027.887.069)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.661.578.279	34.350.151.712
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		407.440.499.545	333.124.109.798



Ưng Văn Phúc
Tổng Giám Đốc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Hà Huy Bình
Kế toán trưởng

Hà Huy Bình
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	56.328.580.772	67.443.392.712
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		56.328.580.772	67.443.392.712
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	19.202.740.290	18.791.345.716
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		37.125.840.482	48.652.046.996
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	779.790.371	901.901.711
7. Chi phí tài chính	22	6.4	8.907.025.778	9.854.362.863
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.906.846.294	9.854.362.863
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.118.203.792	3.393.068.826
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		27.880.401.283	36.306.517.018
11. Thu nhập khác	31	6.5	5.286.451.518	33.305.532
12. Chi phí khác	32	6.6	1.497.943.481	172.679.711
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.788.508.037	(139.374.179)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		31.668.909.320	36.167.142.839
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.007.331.041	1.816.991.127
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		29.661.578.279	34.350.151.712
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	2.001	2.318
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	2.001	2.318



Ưng Văn Phúc
Tổng Giám Đốc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Hà Huy Bình
Kế toán trưởng

Hà Huy Bình
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.668.909.320	36.167.142.839
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11.474.529.276	11.350.529.276
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(779.790.371)	(901.901.711)
- Chi phí lãi vay	06	8.906.846.294	9.854.362.863
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	51.270.494.519	56.470.133.267
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(22.532.683.138)	10.464.456.973
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(14.053.610.772)	(8.047.546.218)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.137.096.024	(1.345.653.859)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.956.846.294)	(9.804.362.863)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(1.816.991.127)	(939.265.239)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.047.459.212	46.797.762.061
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(56.357.964.770)	(73.566.272.287)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.428.491.988)	(25.337.540.572)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	26.510.000.000	10.018.797.992
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.034.944.904	646.747.178
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(41.241.511.854)	(88.238.267.689)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	44.339.358.686	163.207.805.003
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.218.424.000)	(127.529.222.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	32.120.934.686	35.678.583.003
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(4.073.117.956)	(5.761.922.625)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.059.182.967	12.821.105.592
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.986.065.011	7.059.182.967

**Ưng Văn Phúc**
Tổng Giám Đốc

Đà Nẵng, ngày tháng 03 năm 2024

Hà Huy Bình
Kế toán trưởng
Hà Huy Bình
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400476650 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09/06/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 17 là 148.206.625.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám tỷ, hai trăm linh sáu triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn./.).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, sỏi, cát, đất sét, chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp đến 220 kV;
- Sửa chữa các thiết bị khác, chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện;
- Giáo dục nghề nghiệp, chi tiết: Đào tạo công nhân vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn, du lịch lữ hành;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng, chi tiết: Trồng rừng, chế biến, mua bán lâm sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty trên 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31/12/2023, tổng số nhân viên của Công ty là 36 người (tại ngày 01/01/2023 là 36 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả tại ngày chốt quyền cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.13 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mục b, Điều 2, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 09/CN-UBND ngày 18/07/2006 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp như sau:

- Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm cho phần thu nhập do đầu tư này mang lại;
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo cho phần thu nhập do đầu tư này mang lại.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.700.552.202	1.562.734.337
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	285.512.809	5.496.448.630
Cộng	2.986.065.011	7.059.182.967

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	Giá trị VND	Giá trị VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-
<i>Các bên khác</i>	16.611.265.797	8.106.565.745
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	16.611.265.797	8.106.565.745
Cộng	16.611.265.797	8.106.565.745

5.3 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	Giá trị VND	Giá trị VND
<i>Các bên liên quan</i>	1.237.234.568	15.318.742.580
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện lực An Nhân (i)	1.237.234.568	15.318.742.580
<i>Các bên khác</i>	-	-
Cộng	1.237.234.568	15.318.742.580

(i) Khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 03.22/NC-TS ngày 21/02/2022; lãi suất: 7%/năm; Biện pháp bảo đảm: tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	Giá trị VND	Giá trị VND
Các bên liên quan	-	-
Các bên khác	45.012.456.415	41.691.186.630
Công ty Cổ phần Prime Trung Tín	31.921.534.631	27.566.618.000
Công ty TNHH Tập đoàn Vân Tiên Hồ Nam	7.855.625.000	7.855.625.000
Trả trước cho người bán khác	5.235.296.784	6.268.943.630
Cộng	45.012.456.415	41.691.186.630

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	-	-	2.017.154.533	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện lực An Nhân - tiền lãi cho vay Ông Lê Thái Hưng	-	-	255.154.533	-
Các bên khác	14.305.172.195	(25.352.000)	3.892.507.312	(25.352.000)
Ký quỹ, ký cược	8.337.000.000	-	1.762.000.000	-
Tổng công ty điện lực miền Trung (PC3)	2.076.245.650	-	-	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	3.095.972.258	(25.352.000)	961.804.024	(25.352.000)
Đối tượng khác	795.954.287	-	593.703.288	-
Cộng	14.305.172.195	(25.352.000)	5.909.661.845	(25.352.000)

5.6 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác	208.557.835	390.234.452
Bảo hiểm xây dựng nhà máy	-	936.925.341
Cộng	208.557.835	1.327.159.793

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.7 Tặng, giảm TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2023	340.515.878.283	108.593.581.881	946.900.705	50.090.909	450.106.451.778
Mua trong năm	-	372.000.000	-	-	372.000.000
Số dư tại 31/12/2023	340.515.878.283	108.965.581.881	946.900.705	50.090.909	450.478.451.778
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2023	136.332.398.547	108.593.581.881	946.900.705	50.090.909	245.922.972.042
Khấu hao trong năm	11.350.529.276	124.000.000	-	-	11.474.529.276
Số dư tại 31/12/2023	147.682.927.823	108.717.581.881	946.900.705	50.090.909	257.397.501.318
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2023	204.183.479.736	-	-	-	204.183.479.736
Số dư tại 31/12/2023	192.832.950.460	248.000.000	-	-	193.080.950.460

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2023 là 109.590.573.495 VND, tại 01/01/2023 là 109.590.573.495 VND.

- Giá trị còn lại còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản phải trả tại 31/12/2023 là 192.832.950.460 VND, tại 01/01/2023 là 204.183.479.736 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Mua sắm	-	-
Xây dựng cơ bản	128.802.844.382	46.369.731.972
Dự án An Điền II mở rộng (i)	128.802.844.382	46.369.731.972
Cộng	<u>128.802.844.382</u>	<u>46.369.731.972</u>

(i) Công ty thực hiện dự án theo Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1934/QĐ-UBND ngày 20/07/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam:

- Mục tiêu và quy mô dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện phát điện lên lưới điện Quốc Gia với công suất 29,6 MW (trong đó: Giai đoạn 1 đầu tư nhà máy thủy điện với công suất 15,6 MW đã đi vào hoạt động; Giai đoạn 2: Đầu tư mở rộng thủy điện với công suất 14 MW).

- Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2: 446.664.093.000 đồng.

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các bên khác	31.545.724.924	31.545.724.924	21.544.858.694	21.544.858.694
Công ty CP Đầu tư & Phát triển hạ tầng	2.314.082.000	2.314.082.000	2.314.082.000	2.314.082.000
Tổng công ty lắp máy Việt Nam	13.086.415.303	13.086.415.303	13.586.415.303	13.586.415.303
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	12.155.822.376	12.155.822.376	-	-
Các đối tượng khác	3.989.405.245	3.989.405.245	5.644.361.391	5.644.361.391
Cộng	<u>31.545.724.924</u>	<u>31.545.724.924</u>	<u>21.544.858.694</u>	<u>21.544.858.694</u>

5.10 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các bên khác	2.665.472.508	2.665.472.508	2.128.526.194	2.128.526.194
Phải trả Tổng công ty lắp máy Việt Nam	1.523.615.723	1.523.615.723	1.523.615.723	1.523.615.723
Quỹ Bảo vệ tài nguyên môi trường rừng tỉnh Quảng Nam	532.511.424	532.511.424	258.058.836	258.058.836
Phải trả khác	609.345.361	609.345.361	346.851.635	346.851.635
Cộng	<u>2.665.472.508</u>	<u>2.665.472.508</u>	<u>2.128.526.194</u>	<u>2.128.526.194</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.11 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.117.815.548	3.117.815.548	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.007.331.041	1.816.991.127	2.007.331.041	-	1.816.991.127
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.120.599	28.383.059	30.503.658	-	-
Thuế tài nguyên	-	1.476.464.531	4.050.696.115	5.527.160.646	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	1.026.077.000	1.026.077.000	-	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	159.845.848	41.134.384	195.056.552	-	5.923.680
Cộng	-	3.645.762.019	10.085.097.233	11.907.944.445	-	1.822.914.807

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12 Vay và nợ thuế tài chính

5.12.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	25.583.567.674	25.583.567.674	1.673.691.344	-	23.909.876.330	23.909.876.330
Bà Trần Thu Hương (i)	25.583.567.674	25.583.567.674	1.673.691.344	-	23.909.876.330	23.909.876.330
Nợ dài hạn đến hạn trả	14.432.889.000	14.432.889.000	14.432.889.000	12.218.424.000	12.218.424.000	12.218.424.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An (ii)	14.432.889.000	14.432.889.000	14.432.889.000	12.218.424.000	12.218.424.000	12.218.424.000
Cộng	40.016.456.674	40.016.456.674	16.106.580.344	12.218.424.000	36.128.300.330	36.128.300.330

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.12.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An (ii)	136.887.307.242	136.887.307.242	42.665.667.342	14.432.889.000	108.654.528.900	108.654.528.900
Cộng	136.887.307.242	136.887.307.242	42.665.667.342	14.432.889.000	108.654.528.900	108.654.528.900

(i) Hợp đồng vay bà Trần Thu Hương, lãi suất 7%/năm. Hình thức bảo đảm: Tín chấp.

(ii) Bao gồm các hợp đồng sau:

(1) Hợp đồng tín dụng số 0009/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 18/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng:

- Hạn mức tín dụng: 85.529.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 84 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8,9%/năm, điều chỉnh 6 tháng mức một lần;
- Tài sản bảo đảm:

+ Toàn bộ công trình xây dựng trên đất, công trình phụ trợ và các tài sản khác thuộc nhà máy thủy điện An Điền II công suất 15,6 MW gắn liền trên thửa đất số 20, 21; tờ bản đồ số 1, 2, 3; diện tích 1.326.794 m².

+ Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc nhà máy thủy điện An Điền II công suất 15,6 MW.

+ Cụm nhà máy thủy điện Bản cóc xã Kim Châu, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An bao gồm Văn phòng làm việc điều hành Ban quản lý, Nhà đặt máy phát điện và điều hành máy, nhà để vật tư, đập chắn nước và hệ thống thu nước. Máy móc thiết bị tại nhà máy thủy điện Bản Cóc tại xã Kim Châu, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (Đồng đảm bảo với nghĩa vụ tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong tại OCB).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(2) Hợp đồng tín dụng số 0074/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 23/03/2022 giữa Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Nghệ An và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng:

- Số tiền vay: 230.000.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 144 tháng;

- Lãi suất cho vay: Theo từng thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ;

- Mục đích: Tài trợ đầu tư Dự án nhà máy Thủy điện An Đầm II;

- Tài sản bảo đảm:

+ Toàn bộ công trình xây dựng trên đất, công trình phụ trợ và các tài sản khác thuộc Nhà máy Thủy điện An Đầm II, công suất 15,6 MW gắn liền trên thửa đất số 20, 21; tờ bản đồ số 1, 2, 3; Diện tích 1.326.794 m².

+ Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Nhà máy An Đầm II, công suất 15,6 MW.

+ Toàn bộ công trình xây dựng trên đất, máy móc thiết bị, công trình phụ trợ và các tài sản khác hình thành trong tương lai thuộc nhà máy thủy điện An Đầm II mở rộng, công suất 14 MW.

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí phải trả khác	294.390.370	411.044.305
Cộng	294.390.370	411.044.305

5.14 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động VCSH

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2022	148.206.625.000	(21.027.887.069)	127.178.737.931
Lãi trong năm trước	-	34.350.151.712	34.350.151.712
Số dư tại 31/12/2022	148.206.625.000	13.322.264.643	161.528.889.643
Số dư tại 01/01/2023	148.206.625.000	13.322.264.643	161.528.889.643
Lãi trong năm nay	-	29.661.578.279	29.661.578.279
Số dư tại 31/12/2023	148.206.625.000	42.983.842.922	191.190.467.922

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023			01/01/2023		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Điện lực Trung Sơn	12.747.200	127.472.000.000	86,01%	12.747.200	127.472.000.000	86,01%
Ông Lê Thái Hưng	1.487.100	14.871.000.000	10,03%	1.487.100	14.871.000.000	10,03%
Các cổ đông khác	586.362	5.863.625.000	3,96%	586.362	5.863.625.000	3,96%
Cộng	14.820.662	148.206.625.000	100%	14.820.662	148.206.625.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	148.206.625.000	148.206.625.000
Vốn góp cuối năm	148.206.625.000	148.206.625.000
Cổ tức đã chia	-	-
Cổ phiếu		
	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.820.662	14.820.662
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.820.662	14.820.662
Cổ phiếu phổ thông	14.820.662	14.820.662
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.820.662	14.820.662
Cổ phiếu phổ thông	14.820.662	14.820.662
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán điện	56.328.580.772	67.443.392.712
Cộng	56.328.580.772	67.443.392.712

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán điện	19.202.740.290	18.791.345.716
Cộng	19.202.740.290	18.791.345.716

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	779.790.371	901.901.711
Cộng	779.790.371	901.901.711

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	8.906.846.294	9.854.362.863
Lỗi chênh lệch tỷ giá	179.484	-
Cộng	8.907.025.778	9.854.362.863

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền điện thi công	3.352.730.879	-
Các khoản công nợ - Chủ nợ bỏ/ nghỉ kinh doanh	1.933.720.639	-
Các khoản khác	-	33.305.532
Cộng	5.286.451.518	33.305.532

6.6 Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn tiền điện thi công	1.288.223.351	-
Các khoản khác	209.720.130	172.679.711
Cộng	1.497.943.481	172.679.711

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.668.909.320	36.167.142.839
Hoạt động được ưu đãi thuế	26.897.343.698	36.167.142.839
Hoạt động kinh doanh khác	4.771.565.622	-
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(3.836.377.272)	172.679.711
Hoạt động được ưu đãi thuế	(1.902.656.633)	172.679.711
Các khoản điều chỉnh tăng	209.720.130	172.679.711
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế khác	(2.112.376.763)	-
Hoạt động khác	(1.933.720.639)	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.933.720.639)	-
<i>Thu nhập đã tính thuế TNDN kỳ trước</i>	<i>(1.933.720.639)</i>	
Thu nhập tính thuế TNDN	27.832.532.048	36.339.822.550
Hoạt động được ưu đãi thuế	24.994.687.065	36.339.822.550
Hoạt động kinh doanh khác	2.837.844.983	-
Thuế suất thuế TNDN		
Hoạt động được ưu đãi thuế	10%	10%
Hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Thuế TNDN	3.067.037.704	3.633.982.255
Hoạt động được ưu đãi thuế	2.499.468.707	3.633.982.255
Hoạt động kinh doanh khác	567.568.997	-
Thuế TNDN được miễn, giảm	1.249.734.353	1.816.991.128
Hoạt động được ưu đãi thuế	1.249.734.353	1.816.991.128
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	1.817.303.351	1.816.991.127
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	190.027.690	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.007.331.041	1.816.991.127

6.8 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	29.661.578.279	34.350.151.712
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	29.661.578.279	34.350.151.712
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	14.820.662	14.820.662
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.001	2.318
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.001	2.318

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	6.384.435.488	5.113.737.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.474.529.276	11.350.529.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.523.427.872	5.023.159.514
Chi phí khác bằng tiền	226.774.797	696.988.239
Cộng	21.609.167.433	22.184.414.542

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm tài chính, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện lực An Nhân	Cùng thành viên ban lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong	Công ty Con của Công ty CP Điện lực Trung Sơn
Ông Lê Thái Hưng	Chủ tịch HĐQT

7.2.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

7.2.2.1 Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Năm 2023		Năm 2022		
	Tiền lương VND	Thù lao VND	Tiền lương VND	Thù lao VND	
Hội đồng quản trị					
Ông Lê Thái Hưng	Chủ tịch HĐQT	-	72.000.000	-	72.000.000
Ông Hồ Ngọc Thạch	TV HĐQT	-	-	-	16.000.000
Ông Lưu Quang Việt	TV HĐQT	-	48.000.000	-	32.000.000
Ông Ưng Văn Phúc	TV HĐQT	-	48.000.000	-	24.000.000
Ông Phạm Văn Long	Thư ký HĐQT	-	18.000.000	-	9.000.000
Ban kiểm soát					
Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng ban	-	24.000.000	-	24.000.000
Ông Hồ Ngọc Tuấn	Thành viên	-	24.000.000	-	24.000.000
Bà Nguyễn Mai Lan	Thành viên	-	24.000.000	-	16.000.000
Bà Lê Thị Kim Huyền	Thành viên	-	-	-	8.000.000
Ban Tổng Giám đốc					
Ông Ưng Văn Phúc	TGD	441.337.045	-	400.553.158	-
Ông Phạm Văn Long	P.TGD	368.533.830	-	326.721.813	-
Ông Hà Huy Bình	KTT	306.308.742	-	290.134.500	-
Tổng cộng		1.116.179.617	258.000.000	1.017.409.471	225.000.000

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Thái Hưng		
Ứng tiền phục vụ kinh doanh	-	1.762.000.000

7.2.2.2 Giao dịch với bên liên quan khác trong năm tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn		
Thuê cung cấp dịch vụ	70.380.849	124.652.749
Lãi cho vay	-	289.921.280
Cho vay ngắn hạn	-	8.618.797.992
Thu tiền cho vay	-	8.618.797.992
Thu tiền lãi cho vay	-	289.921.280
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện lực An Nhân		
Vay ngắn hạn	-	29.570.432.586
Trả vay ngắn hạn	-	116.329.000.000
Thu tiền lãi cho vay	-	17.649.864
Chi tiền cho vay	11.400.000.000	16.718.742.580
Thu tiền cho vay	26.510.000.000	1.400.000.000
Lãi cho vay	773.337.455	272.804.397

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

Số 81 đường Lê Đại, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

7.2.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên.

7.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài

chính này



Ưng Văn Phúc
Tổng Giám Đốc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Hà Huy Bình
Kế toán trưởng

Hà Huy Bình
Người lập biểu